TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** TỈNH THỪA THIÊN HUẾ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **336**/2018/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Huế, ngày 21 tháng 6 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 293/2018/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2018, giữa:

Người yêu cầu: Anh Mai Công T, sinh năm: 1979; địa chỉ: Khu vực 1, thị trấn P, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế; địa chỉ liên lạc: Tổ 7, khu vực 2, phường T, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người yêu cầu: Chị Thái Thị M, sinh năm: 1979; địa chỉ: Khu vực 1, thị trấn P, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế; địa chỉ liên lạc: 258 đường Đ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ vào Điều 4, Điều 6, Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 6 năm 2018,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 6 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Mai Công T và chị Thái Thị M.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1.Về con chung: Anh T và chị M xác nhận vợ chồng có 01 con chung, tên là: Mai Linh N, sinh ngày: 06/11/2003, hiện nay đang ở với chị M.

Hai bên thoả thuận giao cháu N cho chị Thái Thị M trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không cấp dưỡng nuôi con do chị M không có yêu cầu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2.3. Về tài sản chung: Anh T và chị M tự thoả thuận phân chia, không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Anh T và chị M xác nhận không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.5. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Anh Mai Công T và chị Thái Thị M mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền anh T, chị M đã nộp tạm ứng lệ phí là 300.000 đồng tại Biên lai số 004899 ngày 23 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND TP Huế;
- TAND Tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Chi cục THADS TP Huế;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn P, huyện Phú Lộc (ĐKKH số 42 ngày 02/5/2003);
- Lưu dán;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Huế